

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-02-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Tấn Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khải**

Ông **Tạ Văn Khách**

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Vũ Đình Kiên – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị** – SN: 1981 (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Minh T** – SN: 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 8, thôn TL, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị U trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mai Thị Ú và ông Lê Minh T tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BN, huyện PL (cũ) nay là huyện PR, tỉnh Bình Phước vào ngày 04/5/2004.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, ông T không quan tâm chăm sóc đến vợ con nhất là những thời

điểm vợ con ốm đau. Hiện nay, vợ chồng bà Ú, ông T không thể hòa giải đoàn tụ chung sống với nhau được do tình cảm vợ chồng đã không còn, không ai còn quan tâm đến ai nữa nên bà Ú đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Minh Tr – sinh ngày 18/12/2000 và cháu Lê Minh L – sinh ngày 29/4/2005, khi ly hôn bà Ú tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn ông Lê Minh T trình bày*: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập làm việc. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt không có lý do chính đáng trong các buổi làm việc, kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án nên ông T không có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

#### **Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố bà Mai Thị Ú được ly hôn với ông Lê Minh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Mai Thị Ú khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Minh T, cùng trú tại Tổ 8, Thôn TL, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Ú thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ú và ông T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, bà Ú, ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã BN ngày 04/5/2004. Việc kết hôn của bà Ú và ông T là đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là vợ chồng.

- *Về mâu thuẫn gia đình:*

Tại phiên tòa bà Ú cho rằng cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con, mặc dù bà Ú đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình làm việc với các con ông T, bà Ú là cháu Lê Thị Minh Tr và Lê Minh L cũng xác nhận nội dung như bà Ú trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Ú, ông T ly hôn, lời khai của bà Ú là phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân ngày 21/12/2018 mà đại diện UBND xã BN xác nhận bà Ú và ông T là mâu thuẫn trầm trọng. Mặt khác, bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy ông T tự từ bỏ quyền lợi tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ lời khai của bà Ú, cháu Tr, cháu L và nội dung xác minh về đời sống hôn nhân của ông T và bà Ú tại địa phương. Tòa án có cơ sở xác định, đời sống hôn nhân của ông T và bà Ú có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn của vợ chồng ông T và bà Ú là trầm trọng, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, không còn thương lẫn nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Cuộc sống hôn nhân của ông T và bà Ú đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Ú là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Ú phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường  
vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Ú.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Ú được ly hôn với ông Lê Minh T.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên  
Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không  
xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Ú phải chịu 300.000đ (*Ba  
trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo  
biên lai thu tạm ứng án phí số 026774, quyển số 0536 ngày 06/12/2018 của Chi cục  
Thi hành án dân sự huyện PR, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo  
bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có  
quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc  
bản án được niêm yết theo quy định pháp luật ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phú Riềng;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện PR;
- UBND xã BN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Đỗ Tấn Trường**

